

## Phụ lục 2 / Annex 2

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA  
THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**  
(Registration form for means of transport subjected to customs supervision within the  
territory of the Socialist Republic of Viet Nam)<sup>(1)</sup>

| <b>I. Nội dung do doanh nghiệp khai/ Content declared by enterprise:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |                                                        |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------|--|
| 1. Tên doanh nghiệp /<br><i>Name of enterprise</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  | 2. Địa chỉ / Mã số bưu<br>điện/Address/Postal<br>code  |  |
| 3. Biển số xe / <i>Plate<br/>Number</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 4. Số máy / <i>Engine<br/>Number</i>                   |  |
| 5. Nhãn hiệu / <i>Brand</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | 6. Số khung / <i>Vehicle<br/>Identification Number</i> |  |
| 7. Loại xe / <i>Type</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 8. Tải trọng / <i>Capacity</i>                         |  |
| 9. Màu xe / <i>Color</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 10. Trọng lượng/ <i>Weight</i>                         |  |
| 11. Phạm vi tuyến<br>đường hoạt động/<br><i>Designated routes</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                                        |  |
| <p>Doanh nghiệp cam kết những nội dung điền trên đây đều chính xác, trung thực, cũng như cam kết tăng cường quản lý đối với phương tiện, tiến hành hoạt động vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan theo đúng phạm vi tuyến đường được chỉ định / <i>We hereby undertake that the details given above are true and accurate. We also declare to keep tight control over the means of transport and only transport the goods subjected to customs supervision in accordance with the assigned routes.</i></p> <p style="text-align: center;">Ngày/Date.....tháng/month.....năm/year.....</p> <p style="text-align: center;"><b>TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP / <i>Name of enterprise's representative:</i></b><br/>(đóng dấu doanh nghiệp /<i>enterprise's stamp</i>)</p><br><br><p style="text-align: center;">Ảnh chụp chéo 45 độ từ phía trước xe/<br/><i>Photo of means of transport taken from an angle of 45 degrees in the front</i></p> |  |                                                        |  |

<sup>(1)</sup> : Văn bản này sử dụng cho từng phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam

## **II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan/Verification of Customs administration**

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do/*In case of disapproval, clearly provide the reasons:*

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp **Mã số Hải quan** / *In case of approval, issue a Customs code:* <sup>(2)</sup>

Ngày / Date      tháng / month      năm / year

**LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department**

(Ký, họ tên và đóng dấu đơn vị / signature, full name and stamp)

3. Ghi chú / Note:<sup>(3)</sup>

<sup>(2)</sup> : Mã số Hải quan cấp theo nguyên tắc sau: số thứ tự xe của doanh nghiệp Trung Quốc + Mã số đã cấp theo Phụ lục 1, ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn cấp mã số hải quan đối với xe ô tô thứ nhất của Công ty TNHH Thành Lợi (doanh nghiệp vận tải Trung Quốc) là: 01**LS**0102735469**TL**, cấp mã số hải quan cho xe thứ hai của Công ty TNHH Thành Lợi là: 02**LS**0102735469**TL** và cấp cho xe thứ n là: n**LS**0102735469**TL**.

<sup>(3)</sup> : Ghi các ghi chú có liên quan.